TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lưu
2. Bà Nguyễn Thị Yến Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:* Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1985 – xin vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Ông Lê Xuân N, sinh năm 1985 – vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin vắng mặt, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Qua một thời gian tìm hiểu, bà D và ông N tự nguyện kết hôn, tổ chức hôn lễ và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2008 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc đến năm 2023 do ông N buôn bán đất đai làm ăn thất bại, nợ nần dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn. Ông N vì nợ nần nên sinh ra chán nản không lo làm ăn phụ giúp bà D nuôi con. Vợ chồng có mâu

thuẫn nên ông N bỏ đi ít về nhà. Có lúc ông N bỏ đi vài tháng mới về nhà nên vợ chồng không có hạnh phúc, bà D nhiều lần khuyên ông N về nhà sống ổn định làm ăn phụ giúp nuôi con nhưng ông N không về. Một năm ông N chỉ về nhà vài lần, cũng không phụ tiền nuôi con.

Thực tế vợ chồng không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà D và ông N có 02 con chung là Lê Tường V, sinh ngày 25/4/2013 cháu Lê Y N1, sinh ngày 04/01/2010. Con chung hiện do bà D nuôi dưỡng, học hành đã ổn định. Ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Xuân N đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2008 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, thành phố Hồ Chí Minh) là hôn nhân hợp pháp.

Lý do bà D yêu cầu ly hôn với ông N vì từ năm 2023 ông N buôn bán đất đai làm ăn thất bại, nợ nần dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn. Ông N vì nợ nần nên sinh ra chán nản không lo làm ăn phụ giúp bà D nuôi con. Vợ chồng có mâu thuẫn nên ông N bỏ đi ít về nhà. Có lúc ông N bỏ đi vài tháng mới về nhà nên vợ chồng không có hạnh phúc, bà D nhiều lần khuyên ông N về nhà sống ổn định làm ăn phụ giúp nuôi con nhưng ông N không về. Một năm ông N chỉ về nhà vài lần, cũng không phụ tiền nuôi con. Thực tế vợ chồng không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông N đến Tòa án để ông N trình bày ý kiến nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này cho thấy ông N không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân. Đã có căn cứ khẳng định, mâu thuẫn giữa bà D và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà D yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ.

Về con chung: Bà D và ông N có 02 con chung là cháu Lê Tường V, sinh ngày 25/4/2013 và cháu Lê Y N1, sinh ngày 04/01/2010. Cháu V và cháu N1 do bà D nuôi dưỡng học tập đã ổn định, các cháu có nguyện vọng muốn sống với bà D. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà D giao 02 cháu cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D tự nguyện không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà D, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ dân sự của vợ chồng: Đương sự không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D đối với bị đơn ông Lê Xuân N về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”; bà Lê Thị D được ly hôn với ông Lê Xuân N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tường V, sinh ngày 25/4/2013 và cháu Lê Y N1, sinh ngày 04/01/2010 cho bà Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị D không yêu cầu ông Lê Xuân N phải thực

hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị D và ông Lê Xuân N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông Lê Xuân N được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ dân sự của vợ chồng: Đương sự không tranh chấp, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0052504 ngày 24/12/2025 Phòng thi hành án dân sự khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 – Tp Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường Long Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thế Thị Ngọc Anh